

Số: H032/KH-SYT-SLĐTBXH-SGDĐT

Thành phố Hồ Chí Minh, ngày 11 tháng 5 năm 2024

## KẾ HOẠCH

### Kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024

Căn cứ Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp; Công văn số 1660/UBND-VX ngày 20 tháng 5 năm 2022 của Ủy ban nhân dân Thành phố về việc triển khai thực hiện Thông tư số 33/2021/TT-BYT của Bộ Y tế; Kế hoạch số 1298/KH-SYT ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân thành phố về Kế hoạch triển khai thực hiện công tác y tế trường học giai đoạn 2023-2025 trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh,

Nhằm tăng cường quản lý nhà nước về công tác y tế trường học, đảm bảo các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tuân thủ quy định pháp luật hiện hành; Giám sát và hướng dẫn các cơ sở trên địa bàn Thành phố thực hiện đúng quy định về công tác y tế trường học, liên Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo xây dựng Kế hoạch kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

#### I. Mục đích - yêu cầu

**1. Mục đích:** Đánh giá thực trạng công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp theo quy định; kịp thời hướng dẫn các cơ sở nắm bắt những quy định nhằm đảm bảo công tác chăm sóc sức khỏe cho người học đạt hiệu quả, chất lượng.

#### 2. Yêu cầu

- Các cơ sở tự rà soát, đánh giá công tác y tế trường học theo bảng kiểm đính kèm tại phụ lục 1.

- Kết quả tự kiểm tra, đánh giá là căn cứ để Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo đề ra các giải pháp nhằm củng cố, nâng cao chất lượng hoạt động công tác y tế trường học tại các cơ sở trên địa bàn Thành phố.

#### II. Đối tượng, công cụ, phương pháp

**1. Đối tượng:** Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp (bao gồm trường cao đẳng, trung cấp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp - giáo dục thường xuyên và các trung tâm giáo dục thường xuyên) đang hoạt động trên địa bàn Thành phố.

**2. Công cụ đánh giá:** Đánh giá công tác y tế trường học theo bảng kiểm áp dụng cho các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp đính kèm tại phụ lục 1.

**3. Phương pháp:** Quan sát thực tế, hồ sơ tài liệu, phỏng vấn trực tiếp nhân sự.

**III. Thành lập Đoàn kiểm tra:** Thành lập 03 Đoàn kiểm tra liên Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo. Trưởng đoàn là lãnh đạo Sở Y tế hoặc lãnh đạo Sở Lao động - Thương binh và Xã hội hoặc lãnh đạo Sở Giáo dục và Đào tạo. Thành viên là các công chức, viên chức của Sở Y tế, Sở Lao động - Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo.

#### **IV. Thời gian:**

- Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp tự rà soát, đánh giá trước ngày 31 tháng 5 năm 2024.

- Liên Sở Y tế, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo sẽ có văn bản thông báo lịch cụ thể từng đơn vị.

#### **V. Tổ chức thực hiện**

##### **1. Sở Y tế**

##### **a. Các phòng chức năng thuộc Sở Y tế**

- **Phòng Nghiệp vụ Y:** Phối hợp Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố và các đơn vị có liên quan tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc Sở Y tế kết quả kiểm tra. Tổng hợp danh sách nhân sự tham gia Đoàn kiểm tra Liên Sở chuyển Phòng Tổ chức Cán Bộ thuộc Sở Y tế ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024.

- **Phòng Tổ chức cán Bộ:** Tham mưu Giám đốc Sở Y tế ban hành Quyết định thành lập Đoàn kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024.

- **Văn phòng Sở Y tế:** Đảm bảo, bố trí xe di chuyển cho Đoàn kiểm tra của Sở Y tế.

##### **b. Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố**

- Chịu trách nhiệm tham mưu cho Ban Giám đốc Sở Y tế triển khai Kế hoạch kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp và báo cáo Ban Giám đốc Sở Y tế kết quả sau kiểm tra, đánh giá.

- Tổng hợp báo cáo tự đánh giá công tác y tế trường học của các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trong đợt đánh giá năm 2024; Đồng thời cung cấp cho Đoàn những nội dung có liên quan đến công tác kiểm tra thuộc chức năng nhiệm vụ của đơn vị.

- Cử thành viên tham gia Đoàn kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024.

##### **2. Sở Lao động – Thương binh và Xã hội**

##### **a. Phòng Giáo dục nghề nghiệp**

- Phối hợp Phòng Nghiệp vụ Y thuộc Sở Y tế tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc Sở Lao động – Thương binh và Xã hội kết quả kiểm tra.

- Triển khai và hướng dẫn nội dung Kế hoạch này đến các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, trung tâm giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn quản lý để tự rà soát, đánh giá và nhắc nhở các cơ sở báo cáo kịp thời trước ngày 31 tháng 5 năm 2024 qua link:



<https://tinyurl.com/ketquadanhgiabangkiemyth2024> để Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố tổng hợp.

- Cử thành viên tham gia Đoàn kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp năm 2024.

**b. Văn phòng Sở Lao động – Thương binh và Xã hội:** Đảm bảo, bố trí xe di chuyển cho Đoàn kiểm tra của Sở Lao động – Thương binh và Xã hội.

### **3. Sở Giáo dục và Đào tạo**

- Chỉ đạo phòng chức năng phối hợp Phòng Nghiệp vụ Y thuộc Sở Y tế tổng hợp báo cáo Ban Giám đốc Sở Giáo dục và Đào tạo kết quả kiểm tra.

- Triển khai và hướng dẫn nội dung Kế hoạch này đến các cơ sở giáo dục đại học trên địa bàn quản lý để tự rà soát, đánh giá và nhắc nhở các cơ sở báo cáo trước ngày 31 tháng 5 năm 2024 qua link: <https://tinyurl.com/ketquadanhgiabangkiemyth2024> để Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố tổng hợp.

- Cử thành viên tham gia Đoàn kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục đại học năm 2024 theo mẫu đính kèm và gửi về Sở Y tế trước ngày 22 tháng 5 năm 2024.

### **4. Đề nghị Sở An toàn thực phẩm**

- Cử thành viên tham gia Đoàn kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp năm 2024 theo mẫu đính kèm và gửi về Sở Y tế trước ngày 22 tháng 5 năm 2024.

- Cung cấp các thông tin cần lưu ý về hoạt động liên quan đến lĩnh vực an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo nội dung lĩnh vực an toàn thực phẩm tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh.

### **5. Các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp**

- Tổ chức tự rà soát, đánh giá công tác y tế trường học theo bảng kiểm áp dụng cho các cơ sở giáo dục nghề nghiệp đính kèm tại phụ lục 1; Đồng thời báo cáo qua link: <https://tinyurl.com/ketquadanhgiabangkiemyth2024> trước ngày 31 tháng 5 năm 2024 để Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố tổng hợp.

- Chuẩn bị sẵn sàng hồ sơ, tài liệu để phục vụ công tác kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học và bố trí nhân sự để làm việc với đoàn của Liên Sở Y tế, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo.

### **6. Đề nghị Ủy ban nhân dân quận, huyện, thành phố Thủ Đức chỉ đạo:**

**- Phòng Lao động – Thương binh và Xã hội, Phòng Giáo dục và Đào tạo quận, huyện, thành phố Thủ Đức:**

+ Cử nhân sự tham gia đoàn đánh giá của Sở Y tế, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo với vai trò là quan sát viên và cung cấp các thông tin cần lưu ý về hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học, giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo nội dung lĩnh vực quản lý.

+ Triển khai nội dung Kế hoạch này đến các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn quản lý để tự rà soát, đánh giá và nhắc nhở các cơ sở báo cáo



qua link: <https://tinyurl.com/ketquadanhgiabangkiemytth2024> kịp thời trước ngày 31 tháng 5 năm 2024 để Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố tổng hợp.

+ Đôn đốc, nhắc nhở và hướng dẫn các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn quản lý thực hiện và báo cáo theo quy định.

- **Trung tâm Y tế quận, huyện, thành phố Thủ Đức:** Cử nhân sự tham gia đoàn đánh giá của Sở Y tế, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo với vai trò là quan sát viên và cung cấp các thông tin cần lưu ý về hoạt động của các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn theo nội dung lĩnh vực quản lý.

Trên đây là Kế hoạch Kiểm tra, đánh giá công tác y tế trường học tại các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp trên địa bàn Thành phố Hồ Chí Minh năm 2024 của Sở Y tế, Sở Lao động – Thương binh và Xã hội, Sở Giáo dục và Đào tạo đề nghị các đơn vị có liên quan triển khai thực hiện./.

**SỞ LAO ĐỘNG - THƯƠNG  
BINH VÀ XÃ HỘI  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**SỞ GIÁO DỤC  
VÀ ĐÀO TẠO  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**

**SỞ Y TẾ  
KT. GIÁM ĐỐC  
PHÓ GIÁM ĐỐC**



**Huyền Lê Như Trang**



**Dương Trí Dũng**



**Nguyễn Văn Vĩnh Châu**

**Nơi nhận:**

- UBND Thành phố;
- Sở An toàn thực phẩm Thành phố;
- BGĐ Sở Y tế, Sở LĐ, TB&XH, Sở GD&ĐT;
- UBND quận, huyện, TP Thủ Đức;
- Trung tâm Kiểm soát bệnh tật Thành phố;
- Trung tâm Y tế Q, H, TP Thủ Đức;
- Phòng LĐTB&XH Q, H, TP Thủ Đức;
- Phòng GD&ĐT Q, H, TP Thủ Đức;
- Các cơ sở giáo dục đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;
- Lưu: VT, NVY

(Đính kèm: Phụ lục 1, 2)



**Phụ lục 1**

**BẢNG KIỂM ĐÁNH GIÁ CÔNG TÁC Y TẾ TRƯỜNG HỌC  
TẠI CÁC CƠ SỞ GIÁO DỤC NGHỀ NGHIỆP, CƠ SỞ GIÁO DỤC ĐẠI HỌC**

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
<b>A.</b>	<b>Công tác tổ chức và kế hoạch</b>		
1.	Xây dựng kế hoạch công tác y tế trường học hằng năm và tổ chức triển khai thực hiện đầy đủ các nội dung công tác y tế trường học.		
2.	Bố trí kinh phí để thực hiện nhiệm vụ y tế trường học hàng năm		
3.	Tổng hợp báo cáo kết quả thực hiện công tác y tế trường học theo mẫu Phụ lục số 02 ban hành kèm theo Thông tư số 33/2021/TT-BYT gửi về Trung tâm Y tế trên địa bàn theo quy định.		
<b>B.</b>	<b>Cơ sở vật chất, trang thiết bị<sup>1</sup></b>		
4.	Bố trí phòng riêng ở vị trí thuận tiện cho công tác sơ cứu, cấp cứu và chăm sóc sức khỏe người học.		
5.	Bố trí đầy đủ các phương tiện làm việc thông thường.		
6.	Có ít nhất 01 giường khám bệnh, giường theo dõi học sinh <sup>2</sup> .		
7.	Có tủ đựng trang thiết bị y tế.		
8.	Có tủ đựng thuốc và một số thuốc thiết yếu phục vụ cho công tác sơ cấp cứu.		
<b>C.</b>	<b>Nhân viên y tế trường học</b>		
9.	Phân công nhân viên y tế trường học trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên. Trường hợp không phân công được nhân viên y tế trường học trình độ chuyên môn y tế từ trung cấp trở lên thì có hợp đồng với cơ sở khám bệnh, chữa bệnh hoặc với cá nhân đủ tiêu chuẩn quy định để thực hiện công tác y tế trường học.		
10.	Nhân viên y tế trường học được đào tạo, tập huấn về sơ cứu, cấp cứu và cập nhật kiến thức chuyên môn y tế.		
11.	Trường hợp nhân viên y tế trường học trực tiếp thực hiện khám bệnh, chữa bệnh thì phải có chứng chỉ hành nghề theo quy định của pháp luật về khám bệnh, chữa bệnh.		
<b>D.</b>	<b>Triển khai các hoạt động y tế trường học hàng năm</b>		
<b>I</b>	<b>Chăm sóc sức khỏe người học</b>		
12.	Thực hiện sơ cứu, cấp cứu cho người học theo quy định, hướng dẫn chuyên môn kỹ thuật về khám bệnh, chữa bệnh khi		

<sup>1</sup> Quy định tại Điều 7 Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

<sup>2</sup> Quy định tại Khoản 3, Điều 9, Quyết định số 17/2007/QĐ-BGDĐT ngày 24 tháng 5 năm 2007 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành quy định về tổ chức và hoạt động của trạm y tế trong các đại học, học viện, trường đại học, cao đẳng và trung cấp chuyên nghiệp.

HỒ  
S  
Y  
T  
HỒ

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
	phát sinh trường hợp cấp cứu trong thời gian học tập, sinh hoạt, thực hành tại cơ sở giáo dục.		
13.	Tổ chức khám sức khỏe cho người học khi mới nhập học và định kỳ ít nhất một năm một lần trong mỗi năm học.		
14.	Thực hiện theo dõi, kiểm tra sức khỏe người học, phát hiện các yếu tố nguy cơ sức khỏe, bệnh tật để dự phòng, điều trị hoặc chuyển tuyến điều trị theo quy định của pháp luật.		
15.	Triển khai các biện pháp vệ sinh phòng, chống dịch bệnh trong cơ sở giáo dục.		
16.	Tư vấn cho người học về các vấn đề liên quan đến bệnh tật, yếu tố nguy cơ sức khỏe.		
17.	Hướng dẫn các biện pháp bảo đảm an toàn, vệ sinh lao động, phòng, chống tai nạn, thương tích trong quá trình học tập, thực hành.		
<b>II</b>	<b>Truyền thông, giáo dục sức khỏe<sup>3</sup></b>		
18.	Có tổ chức hoạt động truyền thông giáo dục sức khỏe phù hợp theo quy định của pháp luật bằng nhiều hình thức như: Truyền thông trực tiếp; Truyền thông gián tiếp qua các phương tiện truyền thông, các ứng dụng trực tuyến; Truyền thông trong các sự kiện; Lồng ghép trong các giờ giảng, chương trình ngoại khóa của cơ sở giáo dục; Cấp phát các sản phẩm, tài liệu truyền thông cho người học;....		
19.	Nội dung truyền thông, giáo dục sức khỏe phù hợp, đầy đủ: Các biện pháp phòng, chống tai nạn thương tích; tăng cường hoạt động thể lực, dinh dưỡng hợp lý, lối sống lành mạnh; bệnh, tật học đường; phòng, chống dịch, bệnh truyền nhiễm, HIV/AIDS, bệnh lây truyền qua đường tình dục; bệnh không lây nhiễm; phòng, chống tác hại của thuốc lá, rượu, bia, ma túy, các chất gây nghiện và các nội dung khác về y tế.		
20.	Thực hiện tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về y tế trường học trong cơ sở giáo dục <sup>4</sup> .		
<b>III</b>	<b>Bảo đảm vệ sinh trường học</b>		
<b>3.1</b>	<b>Các quy định chung</b>		
21.	Có chủ động triển khai các biện pháp phòng, chống dịch theo hướng dẫn tại Thông tư số 46/2010/TT-BYT ngày 29/12/2010 của Bộ Y tế và các hướng dẫn khác của cơ quan y tế.		

<sup>3</sup> Quy định tại Điều 4 Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

<sup>4</sup> Quy định tại Khoản 3, Điều 4 Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
22.	Các phòng học cần được chiếu sáng tự nhiên hoặc nhân tạo; đảm bảo độ rọi duy trì tối thiểu cho các phòng, khu vực làm việc <sup>5</sup> .		
23.	Có đầy đủ các khu chức năng chính: - Đối với Trường Đại học: Khu học tập và các cơ nghiên cứu kho học; khu thể dục thể thao, khu kí túc xã học sinh bao gồm nhà ở và các công trình phụ vụ sinh hoạt, khu nhà ở của cán bộ giảng dạy và cán bộ công nhân viên, khu công trình kỹ thuật bao gồm trạm bơm, trạm biến thế, xưởng sửa chữa, kho tang và nhà để xe ô tô, xe đạp... <sup>6</sup> . - Đối với Trường Trung cấp chuyên nghiệp: Khu học tập, khu hành chính, khu sân trường, bãi tập, khu để xe, khu phục vụ đào tạo... <sup>7</sup> . - Đối với Trường dạy nghề: Khu học tập; khu thực hành – lao động, khu phục vụ học tập, khu rèn luyện thể chất (thể dục thể thao), khu hành chính quản trị và phụ trợ, khu phục vụ sinh hoạt (ở với trường có nội trú)... <sup>8</sup> .		
24.	Đảm bảo điều kiện vệ sinh ngoại cảnh và các khu chức năng.		
25.	Cơ sở giáo dục đảm bảo quy định về tiếng ồn <sup>9</sup> , vi khí hậu <sup>10</sup> tại các phòng thí nghiệm, thực nghiệm, khu, xưởng thực hành.		
<b>3.2</b>	<b>Giảng đường, phòng học</b>		
26.	Bố trí ở các tầng trên mặt đất (không bố trí tầng hầm), nếu có yêu cầu đặt thiết bị ở dưới mặt đất thì phải bố trí các phòng thiết bị ở sàn tầng hầm <sup>11</sup> .		
27.	Có ít nhất 02 cửa ra vào, một cửa ở đầu phòng, một cửa ở cuối phòng. Cửa phải thiết kế mở ra phía hành lang (đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp) <sup>12</sup> .		
28.	Khoảng cách từ bảng đen đến dãy bàn đầu không nhỏ hơn 160cm (đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp) <sup>13</sup> . Khoảng cách từ bảng đen giảng đường đến bàn đầu ít nhất là 200cm (đối với cơ sở giáo dục đại học) <sup>14</sup> .		

<sup>5</sup> Điểm 4.2 Bảng yêu cầu về độ rọi duy trì tối thiểu cho các phòng, khu vực làm việc tại Mục 1 Phần II Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 22:2016/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 22/2016/TT-BYT ngày 30 tháng 6 năm 2016 của Bộ trưởng Bộ Y tế quy định quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chiếu sáng - mức cho phép chiếu sáng nơi làm việc

<sup>6</sup> Mục 2.4 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế

<sup>7</sup> Mục 4.8 4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế

<sup>8</sup> Mục 5.1 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế.

<sup>9</sup> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 24:2016/BYT ban hành tại Thông tư số 24/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 30 tháng 6 năm 2016.

<sup>10</sup> Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 26:2016/BYT ban hành tại Thông tư số 26/2016/TT-BYT của Bộ Y tế ngày 30 tháng 6 năm 2016.

<sup>11</sup> Quy định tại Mục 3.5 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế; mục 5.7 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế.

<sup>12</sup> Quy định tại Mục 5.14 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế.

<sup>13</sup> Quy định tại Mục 5.11 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 4, điểm y1).

<sup>14</sup> Quy định tại Mục 3.20 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 7).



TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
29.	Khoảng cách từ bảng đen đến dãy bàn dưới cùng không quá 1.000cm (đối với cơ sở giáo dục nghề nghiệp) <sup>15</sup> Khoảng cách từ bảng đen giảng đường đến hàng ghế dưới cùng không quá 2.000cm (đối với cơ sở giáo dục đại học) <sup>16</sup> .		
30.	Giảng đường, hội trường, phòng học, phòng thể dục thể thao, phòng đọc trong thư viện cần phải thông gió tự nhiên, thoáng mát và có đầy đủ biện pháp chống nóng <sup>17</sup> .		
<b>3.3</b>	<b>Phòng thí nghiệm/thực hành</b>		
31.	Phòng thí nghiệm, thực nghiệm, khu, xưởng thực hành phục vụ dạy và học ngành nghề nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm và đặc biệt nặng nhọc, độc hại, nguy hiểm phải thực hiện các biện pháp bảo đảm an toàn vệ sinh lao động cho người học theo quy định tại Điều 70, Luật An toàn vệ sinh lao động ngày 25 tháng 6 năm 2015 <sup>18</sup> .		
32.	Phòng thí nghiệm sản sinh ra hơi và nhiệt thừa cần phải thông gió tự nhiên, thoáng mát và có đầy đủ biện pháp chống nóng <sup>19</sup>		
33.	Đối với những phòng thí nghiệm có các yêu cầu đặc biệt về môi trường học tập phải có các thiết bị bổ sung (tủ hút hơi độc, tủ đựng quần áo đặc biệt, ống thoát hơi độc, thoát nước, chậu rửa, buồng tắm v. v...) <sup>20</sup> .		
34.	Nước thải trong phòng thí nghiệm có chứa axit độ pH dưới 6,5 và kiềm độ pH trên 8,5 cần phải trung hòa trước khi thải vào hệ thống thoát nước chung. Hệ thống trung hòa cần được đặt trong các phòng dành riêng cho các thiết bị đó <sup>21</sup> .		
<b>3.4</b>	<b>Phòng vẽ kỹ thuật, phòng thiết kế bài tập năm học và thiết kế tốt nghiệp cùng với các phòng phụ.</b>		
35.	Diện tích thiết kế cho một chỗ trong phòng học đặt các máy giảng dạy và kiểm tra không nhỏ hơn 2,2m <sup>2</sup> <sup>22</sup> .		
36.	Diện tích thiết kế cho một chỗ trong phòng vẽ kỹ thuật, phòng		

<sup>15</sup> Quy định tại Mục 5.11 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 4, điểm y).

<sup>16</sup> Quy định tại Mục 3.20 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 7, điểm K);

<sup>17</sup> Quy định tại Mục 5.4 và 5.6 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế; Quy định tại Mục 9.2 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế.

<sup>18</sup> Quy định tại Khoản 4 Điều 5 Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

<sup>19</sup> Quy định tại Mục 5.4 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế; Quy định tại Mục 9.2 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế.

<sup>20</sup> Quy định tại Mục 3.29 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế; Quy định tại Mục 9.3 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế (chú thích 1).

<sup>21</sup> Quy định tại Mục 5.2 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế (nội dung chú thích 3); Mục 8.2.2 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế (chú thích).

<sup>22</sup> Quy định tại Mục 3.28 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 8); Mục 5.1.12 TCVN 4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế (bảng 4).



TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
	thiết kế bài tập năm học và thiết kế tốt nghiệp không nhỏ hơn $3,6m^2$ <sup>23</sup> .		
37.	Diện tích thiết kế cho một chỗ trong phòng học ngoại ngữ không nhỏ hơn $3m^2$ <sup>24</sup> .		
38.	Đối với các phòng thí nghiệm có các yêu cầu đặc biệt về môi trường học tập phải có các thiết bị bổ sung (tủ hút hơi độc, tủ đựng quần áo đặc biệt, ống thoát hơi độc, thoát nước, chậu rửa, buồng tắm,...) <sup>25</sup> .		
<b>3.5</b>	<b>Thư viện</b>		
39.	Được thiết kế đảm bảo đủ chỗ cho số lượng người trong trường như sau: - Trường Đại học: 100% số lượng học sinh, nghiên cứu sinh dài hạn, giáo sư, cán bộ giảng và cán bộ khoa học <sup>26</sup> . - Trường Trung cấp chuyên nghiệp: 50% số lượng học sinh, cán bộ giảng và cán bộ khoa học <sup>27</sup> . - Trường Cao đẳng nghề: 15% số lượng học sinh, 25% cán bộ giảng và cán bộ khoa học <sup>28</sup> . - Trường Trung cấp nghề: 10% số lượng học sinh, 20% cán bộ giảng và cán bộ khoa học <sup>29</sup> .		
40.	Thư viện phải có các lối vào phục vụ riêng liên hệ với các nhóm phòng phục vụ của thư viện. Không cho phép thiết kế các lối đi xuyên qua các phòng thư viện và các phòng khác của trường <sup>30</sup> .		
41.	Phòng đọc trong thư viện cần phải thông gió tự nhiên, thoáng mát và có đầy đủ biện pháp chống nóng <sup>31</sup> .		
<b>3.6</b>	<b>Cấp nước</b>		
42.	Cần thiết kế hệ thống cấp nước chung cho sinh hoạt, học tập. Trường hợp cần cấp nước chữa cháy phải thiết kế hệ thống cấp nước chung cho sinh hoạt học tập và chữa cháy.		
43.	Hệ thống cấp nước cần phải đảm bảo lượng nước lớn nhất cho nhu cầu sinh hoạt và học tập.		

<sup>23</sup> Quy định tại Mục 3.28 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 8); Mục 5.1.12 TCVN4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế (bảng 4).

<sup>24</sup> Quy định tại Mục 3.28 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 9); Mục 5.1.21 TCVN4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế (bảng 8)

<sup>25</sup> Quy định tại Mục 3.29 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế; Mục 5.1.8 TCVN4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế

<sup>26</sup> Quy định tại Mục 3.31 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế

<sup>27</sup> Quy định tại Mục 5.1.26 TCVN 4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế

<sup>28</sup> Quy định tại Mục 5.26 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế (điểm c)

<sup>29</sup> Quy định tại Mục 5.26 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế (điểm b)

<sup>30</sup> Quy định tại Mục 3.37 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế; Mục 5.1.30 TCVN4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế.

<sup>31</sup> Quy định tại Mục 5.4 và 5.6 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế; Mục 9.2 và 9.5 TCVN4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế.

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
44.	Nước uống phải bảo đảm chất lượng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 6-1:2010/BYT <sup>32</sup> .		
45.	Nước sinh hoạt sử dụng từ các đơn vị cấp nước sạch sử dụng cho mục đích sinh hoạt hoặc tự khai thác phải bảo đảm tiêu chuẩn theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01-1:2018/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 41/2018/TT-BYT <sup>33</sup>		
<b>3.7</b>	<b>Nhà tiêu</b>		
46.	Có khu vực vệ sinh riêng cho học sinh và giáo viên, riêng biệt cho nam và nữ		
47.	Nhà tiêu bảo đảm hợp vệ sinh theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia số QCVN 01:2011/BYT ban hành kèm theo Thông tư số 27/2011/TT-BYT ngày 24 tháng 6 năm 2011 của Bộ trưởng Bộ Y tế ban hành quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nhà tiêu - Điều kiện bảo đảm hợp vệ sinh; bố trí chỗ rửa tay với nước sạch, xà phòng hoặc dung dịch sát khuẩn tay nhanh <sup>34</sup> .		
48.	Khu vệ sinh: - Trường Đại học: 01 bệ xí, 01 bồn tiểu, 01 bồn rửa tay (tính cho 40 người học) <sup>35</sup> . - Trường Trung cấp chuyên nghiệp: 01 bệ xí, 01 bồn tiểu, 01 bồn rửa tay (tính cho 45 người học) <sup>36</sup> . - Trường dạy nghề: 01 bệ xí, 02 bồn tiểu, 01 bồn rửa tay (tính cho 40 người học) <sup>37</sup> .		
<b>3.9</b>	<b>Thu gom và xử lý chất thải</b>		
49.	Có hệ thống cống rãnh thoát nước mưa, nước thải sinh hoạt, không có nước ứ đọng xung quanh trường lớp		
50.	Bố trí thùng rác, thu gom rác thải sinh hoạt		
51.	Có hợp đồng với các cơ sở đủ điều kiện thu gom, xử lý chất thải, rác thải sinh hoạt		
<b>3.10</b>	<b>Ký túc xá</b>		
52.	Diện tích mỗi phòng ở không quá 36m <sup>2</sup>		
53.	Mỗi phòng ở không ít hơn 2 người và không quá 8 người		
54.	Khu vệ sinh:		

<sup>32</sup> Quy định tại Khoản 5 Điều 5 Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp

<sup>33</sup> Quy định tại Khoản 6 Điều 5 Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp

<sup>34</sup> Quy định tại Khoản 7 Điều 5 Thông tư số 33/2021/TT-BYT ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Bộ Y tế quy định về công tác y tế trường học trong cơ sở giáo dục đại học và cơ sở giáo dục nghề nghiệp.

<sup>35</sup> Quy định tại Mục 3.53 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 15); Mục 5.29 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế.

<sup>36</sup> Quy định tại Mục 5.1.42 TCVN 4602:2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế (Bảng 12)

<sup>37</sup> Mục 5.29 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
	- Trường Đại học: 01 chỗ tắm, 01 chỗ giặt, 01 chỗ rửa, 01 xí, 01 tiêu và 01 chỗ vệ sinh phụ nữ (đối với nữ) (tính cho 16 người học) <sup>38</sup> . - Trường Trung cấp chuyên nghiệp: 01 chỗ tắm, 01 chỗ giặt, 01 chỗ rửa, 01 xí, 01 tiêu và 01 chỗ vệ sinh phụ nữ (đối với nữ) (tính cho 8 người học) <sup>39</sup> . - Trường dạy nghề: 01 chỗ tắm, 01 chỗ rửa, 01 xí (tính cho 8 người học) <sup>40</sup> .		
55.	Khu vệ sinh bố trí theo phòng ở, tránh các khu vệ sinh công cộng.		
<b>IV</b>	<b>Bảo đảm an toàn thực phẩm</b>		
<b>4.1</b>	<b>Đối với cơ sở có tổ chức bếp ăn tập thể hoặc căng tin</b>		
56.	Có Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm khi hoạt động, trừ trường hợp không thuộc diện phải cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ điều kiện an toàn thực phẩm <sup>41</sup> .		
<b>4.1.1</b>	<b>Điều kiện cơ sở vật chất</b>		
57.	Quy trình sản xuất thực phẩm được bố trí theo nguyên tắc một chiều từ nguyên liệu đầu vào cho đến sản phẩm cuối cùng <sup>42</sup> .		
58.	Tường, trần, nền nhà khu vực kinh doanh, kho sản phẩm không thấm nước, rạn nứt, ẩm mốc <sup>43</sup> .		
59.	Khu vực chế biến, khu vực bảo quản thực phẩm, khu vực ăn uống duy trì chế độ vệ sinh sạch sẽ, có biện pháp để ngăn ngừa côn trùng và động vật gây hại; Không sử dụng hóa chất diệt chuột, côn trùng và động vật gây hại <sup>44</sup> .		
60.	Có đủ nước đạt quy chuẩn kỹ thuật phục vụ việc chế biến, kinh doanh <sup>45</sup> .		
61.	Cống rãnh ở khu vực cửa hàng, nhà bếp phải thông thoát, không ứ đọng <sup>46</sup> .		
<b>4.1.2</b>	<b>Điều kiện trang thiết bị, dụng cụ</b>		

<sup>38</sup> Quy định tại Mục 3.63 TCVN 3981:1985 Trường Đại học – Tiêu chuẩn thiết kế (bảng 19)

<sup>39</sup> Mục 5.5. 6 TCVN 4602 :2012 Trường Trung cấp chuyên nghiệp – Tiêu chuẩn thiết kế (bảng 14)

<sup>40</sup> Mục 5.39, 5.40, 5.41 TCVN 9210:2012 Trường Dạy nghề - Tiêu chuẩn thiết kế

<sup>41</sup> Quy định tại khoản 1 Điều 11 Nghị định số 15/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số Điều của Luật An toàn thực phẩm.

<sup>42</sup> Quy định tại điểm a, khoản 1, Điều 4 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Y tế.

<sup>43</sup> Điểm b Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Y tế.

<sup>44</sup> Quy định tại khoản 5, Điều 28 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm và điểm đ, khoản 1, Điều 4 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Y tế.

<sup>45</sup> Khoản 2 Điều 28 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm.

<sup>46</sup> Khoản 4 Điều 28 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm.

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
62.	Dụng cụ nấu nướng, chế biến phải bảo đảm an toàn vệ sinh <sup>47</sup> .		
63.	Dụng cụ ăn uống phải được làm bằng vật liệu an toàn, rửa sạch, giữ khô <sup>48</sup> .		
64.	Có dụng cụ, đồ chứa đựng riêng cho thực phẩm sống và thực phẩm chín <sup>49</sup> .		
65.	Có dụng cụ thu gom, chứa đựng chất thải bảo đảm vệ sinh <sup>50</sup> .		
<b>4.1.3</b>	<b>Điều kiện nguyên liệu, bảo quản thực phẩm trong chế biến.</b>		
66.	Sử dụng thực phẩm, nguyên liệu thực phẩm phải rõ nguồn gốc và bảo đảm an toàn <sup>51</sup> .		
67.	Thực phẩm bày bán phải để trong tủ kính hoặc thiết bị bảo quản hợp vệ sinh, không gây ô nhiễm cho thực phẩm, chống được bụi, mưa, nắng và sự xâm nhập của côn trùng và động vật gây hại; được bày bán trên bàn hoặc giá cao hơn mặt đất <sup>52</sup> .		
<b>4.1.4</b>	<b>Điều kiện nhân viên tiếp xúc với thực phẩm và nhân viên kinh doanh thực phẩm</b>		
68.	Người trực tiếp chế biến thức ăn phải được tập huấn kiến thức an toàn thực phẩm, được chủ cơ sở xác nhận và không bị mắc các bệnh tả, lỵ, thương hàn, viêm gan A, E, viêm da nhiễm trùng, lao phổi, tiêu chảy cấp khi đang sản xuất, kinh doanh thực phẩm <sup>53</sup> .		
69.	Tuân thủ quy định về sức khỏe, kiến thức và thực hành của người trực tiếp sản xuất, kinh doanh thực phẩm <sup>54</sup> .		
70.	Tuân thủ quy định về các phương tiện phòng hộ để sử dụng riêng trong khu vực sản xuất thực phẩm <sup>55</sup> .		

<sup>47</sup> Khoản 2 Điều 29 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm

<sup>48</sup> Khoản 3 Điều 28 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm; Điểm c Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Y tế.

<sup>49</sup> Khoản 1 Điều 29 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm

<sup>50</sup> Khoản 3 Điều 28 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm.

<sup>51</sup> Khoản 1 Điều 30 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm

<sup>52</sup> Khoản 3 Điều 30 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm và điểm b, khoản 1 Điều 5 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Y tế

<sup>53</sup> Khoản 2 Điều 5 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Y tế

<sup>54</sup> Khoản 4 Điều 29 Luật số 55/2010/QH12 ngày 17 tháng 6 năm 2010 của Quốc hội quy định về An toàn thực phẩm

<sup>55</sup> Điểm d Khoản 1 Điều 4 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Y tế

TT	Nội dung đánh giá	Đánh giá	
		Có	Không
71.	Tuân thủ quy định về thực hiện kiểm thực 03 bước và lưu mẫu thức ăn theo hướng dẫn của Bộ Y tế <sup>56</sup> .		

**Ghi chú:**

- Mỗi tiêu chí đánh giá được tính 1 điểm.
- Các tiêu chí không có tại cơ sở giáo dục: không đánh giá và không tính điểm.
- Xếp loại đánh giá: tính tỷ lệ % = Số tiêu chí đạt/Số tiêu chí đánh giá
- + Đạt từ 70%: Đạt.
- + Đạt dưới 70%: Chưa đạt.



<sup>56</sup> Điểm a Khoản 1 Điều 5 Nghị định số 155/2018/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2018 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan điều kiện đầu tư kinh doanh thuộc phạm vi nhà nước của Bộ Y tế; Quyết định số 1246/2017/BYT ngày 31 tháng 3 năm 2017 của Bộ Y tế

**Phụ lục 2**

**Danh sách thành viên tham gia Đoàn kiểm tra, đánh giá các cơ sở giáo dục nghề nghiệp, cơ sở giáo dục đại học trong năm 2024**

<b>STT</b>	<b>Họ và tên</b>	<b>Chức vụ</b>	<b>Khoa/ phòng</b>	<b>Tên đơn vị</b>	<b>Số điện thoại</b>	<b>Email</b>

